ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2025/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-STNMT ngày 26 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày15 tháng 3 năm 2025. Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường,

thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU; TT.HĐND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, P.KT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT(BH-07-QĐ-24/02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 18./2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn, bao gồm:

a) Quy định các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 7 Điều 72, khoản 2 và khoản 6 Điều 75, khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sau đây viết tắt là Luật Bảo vệ môi trường); khoản 1 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

b) Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải nhựa, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

c) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn.

2. Quy định này không quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải y tế. Nội dung quy định về các loại chất thải này được tuân thủ theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (bao gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước; các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có hoạt động liên quan đến chất thải rắn phải chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải rắn xây dựng* là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ).

2. *Chất thải nhựa* là chất thải từ các sản phẩm làm từ nhựa đã qua sử dụng hoặc không được sử dụng thải bỏ ra môi trường.

3. *Cơ sở xử lý chất thải* là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải).

4. *Quản lý chất thải* là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

5. *Phân loại chất thải* là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

6. *Vận chuyển chất thải* là quá trình chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn

1. Coi chất thải là tài nguyên; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường quản lý chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn.

2. Việc quản lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực làm việc, nơi công cộng, nơi cư trú; thực hiện giảm thiểu các loại chất thải phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng; đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn.

5. Ngoài việc thực hiện Quy định này, việc thực hiện quản lý chất thải rắn phải tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Luật khác có liên quan.

Chương II
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý theo nguyên tắc sau:

1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế:

a) Giấy thải gồm:

- Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy: Thực hiện loại bỏ nước, dung dịch chứa bên trong; thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.

- Sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết; thùng, bìa carton; lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,..; các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn: Thực hiện loại bỏ thực phẩm, sản phẩm chứa đựng ban đầu; thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.

b) Nhựa thải gồm:

- Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, chế phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại): Thực hiện tháo nắp, loại bỏ nước, dung dịch hoặc sản phẩm chứa đựng bên trong; thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

- Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; ly, cốc nhựa: Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong.

c) Kim loại thải gồm:

- Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại): Thực hiện loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

- Đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, dĩa,...; các loại vật dụng kim loại thải khác: Thực hiện loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

d) Thủy tinh thải gồm:

- Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại): Thực hiện tháo nắp, loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; thu, xếp gọn, hạn chế va đập, gây vỡ.

- Bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê: Thực hiện loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; tái sử dụng với đồ vật còn nguyên vẹn.

- Thủy tinh thải khác: Thực hiện thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

đ) Vải, đồ da gồm: quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn; màn; rèm cửa bằng vải,... (không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại): Thực hiện tái sử dụng đối với các đồ vật sạch; thu gọn.

e) Đồ gỗ gồm: đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,... bằng gỗ: Tái sử dụng đối với vật dụng còn nguyên; thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với các vật dụng đã bị hư hỏng để tái chế.

g) Cao su gồm:

- Đồ chơi bằng cao su: Thực hiện tái sử dụng đối với đồ chơi còn nguyên vẹn; thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với đồ chơi đã bị hư hỏng để tái chế.

- Săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại: Bó gọn.

h) Thiết bị điện, điện tử thải bỏ, gồm:

- Các thiết bị điện, điện tử nhỏ như: máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính toán cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,...: Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

- Các thiết bị điện, điện tử lớn như: máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,...; tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện: Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

2. Chất thải thực phẩm:

a) Thức ăn thừa; thực phẩm hết hạn sử dụng: Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,... kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.

b) Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản: Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,... kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác:

a) Chất thải nguy hại, gồm:

- Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,.. từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh: Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì... để an toàn, tránh phát tán chất thải nguy hại ra ngoài môi trường; thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

- Các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải: Không đập vỡ; trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

- Các loại pin, ắc quy thải: Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

b) Chất thải cồng kềnh gồm:

- Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm cũ hỏng ...: Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.

- Tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...: Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.

- Cành cây, gốc cây,...: Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

c) Chất thải khác còn lại gồm:

- Vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu,... từ hoạt động sinh hoạt; chiếu cói; chiếu tre, trúc; gối mây, tre,... lông gia súc, gia cầm,...; bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, lõi ngô (cùi bắp)...; chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...: Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

- Phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,...: Chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi.

- Tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khẩu trang,...; các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,...; bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ kẽ răng; vỏ thuốc,...: Thu gọn, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.

- Giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,...; các loại nhựa thải khác: Bó gọn.

- Vỏ cứng các loài thuỷ, hải sản; xỉ than từ hoạt động sinh hoạt,... gốm, sành, sứ thải,...: Thu gọn, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.

- Các loại chất thải còn lại: Bó gọn.

Tùy theo hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể quy định phương án phân loại chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải hiện có và lộ trình giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 6. Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn sau phân loại phải được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải hoặc theo các quy định hiện hành của pháp luật. Bao bì (túi), thiết bị lưu giữ (thùng) chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, không làm rò rỉ nước rỉ rác và có kích thước phù hợp với lượng chất thải, thời gian lưu giữ.

- Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi.

- Khuyến khích sử dụng túi ni lông phân hủy sinh học, bao bì thân thiện môi trường để thay thế các túi ni lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại.

2. Chủ đầu tư dự án thực hiện xây dựng khu dân cư tập trung phải bố trí trong khuôn viên khu vực lưu chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại (bao gồm cả chất thải rắn sinh hoạt nguy hại) đảm bảo thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân sinh hoạt tại các khu trên.

3. Về lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực công cộng:

- Tại khu vui chơi, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, bến xe và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người phải bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có dán nhãn trên nắp thùng, trên thân thùng bằng chữ in cho 3 nhóm: chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác. Khuyến khích bổ sung các chữ nhỏ hoặc hình ảnh liệt kê cơ bản các loại chất thải rắn sinh hoạt bên dưới các chữ chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác để thuận tiện cho việc người dân phân loại vào các thùng rác.

- Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông.

- Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại tại khu vực công cộng do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định, đảm bảo thuận tiện cho công tác thu gom, lưu giữ.

4. Quy định màu sắc của bao bì, thiết bị đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại như sau:

- Màu xanh lá cây: Sử dụng chứa rác thải thực phẩm.

- Màu trắng/trong suốt: Sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

- Màu vàng: Sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác.

Điều 7. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, thời gian, tần suất, phương thức chuyển giao, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau.

b) Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 26 và đối với trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt nguy hại (có vỏ cứng với kích cỡ lớn như bồn, bể, công ten nơ hoặc thiết bị tương tự khác) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, gồm: vỏ có khả năng chống được ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ; kết cấu cứng chịu được va chạm, không hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng; có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

d) Có thể tiếp nhận và xử lý sơ bộ (tháo rã, giảm thể tích...) các loại chất thải rắn sinh hoạt cồng kềnh nhằm tăng cường tái sử dụng và tái chế các loại chất thải rắn sinh hoạt cồng kềnh đã tiếp nhận; các thành phần không thể tái sử dụng, tái chế được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

đ) Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, khu dân cư tập trung phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, khu dân cư đó.

2. Việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các yêu cầu sau:

a) Cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có thể chuyển giao trực tiếp hoặc để sẵn các bao bì/thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trước nhà chờ đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến lấy trong khoảng thời gian quy định (khuyến khích thực hiện phương thức chuyển giao trực tiếp);

b) Khu vực để sẵn bao bì/thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trước nhà phải gọn gàng, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, mỹ quan, không ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định vị trí, thời gian tập kết cho từng khu, cụm dân cư; bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này với quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí ít nhất một điểm tập kết, trạm trung chuyển để tiếp nhận và phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt cồng kềnh phát sinh trên địa bàn.

4. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không có điều kiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị thu gom theo đúng thời gian quy định hoặc tại khu vực mà phương tiện thu gom của đơn vị thu gom không thể tiếp cận thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí đặt thùng lưu chứa có dung tích phù hợp thu

gom tập trung, vận chuyển chất thải của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải này đến khu xử lý chất thải.

5. Tần suất thu gom

a) Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Các hộ gia đình, cá nhân chủ động chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Chất thải thực phẩm: Đối với khu vực đông dân cư và trong khu, cụm công nghiệp, tần suất thu gom không quá 24 giờ. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, tần suất thu gom không quá 48 giờ.

c) Các chất thải rắn sinh hoạt khác: Tùy thuộc vào điều kiện thực tế của các địa phương bố trí tần suất thu gom phù hợp.

d) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế và ý kiến của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt và tổ trưởng tổ dân phố/khu phố/ban quản lý khu dân cư/trưởng thôn, xóm xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Đơn vị thu gom, vận chuyển có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, phương tiện phù hợp tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; hạn chế vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoài thực hiện các quy định này, yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải thực phẩm có biển báo được in hoa màu vàng cao ít nhất 15 cm bên 2 thành phương tiện với dòng chữ: "thu gom chất thải thực phẩm".

b) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt khác có biển báo được in hoa màu vàng cao ít nhất 15 cm bên 2 thành phương tiện với dòng chữ: "thu gom chất thải sinh hoạt khác".

c) Trường hợp phương tiện thu gom chung 2 nhóm chất thải (chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác) phải bố trí 2 ngăn chứa riêng biệt đối với 2 nhóm chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại, có biển báo với dòng chữ: "thu gom chất thải thực phẩm và thu gom chất thải sinh hoạt khác".

4. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định, bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, chất thải rắn cồng kềnh và chất thải rắn sinh hoạt nguy hại đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. Những khu vực có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (bao gồm cả chất thải rắn cồng kềnh và chất thải rắn sinh hoạt có trộn lẫn chất thải rắn xây dựng) không đúng nơi quy định, tồn lưu nhiều ngày gây ô nhiễm môi trường hoặc mất mỹ quan khu vực thì quản lý như sau:

a) Đối với khu vực đất thuộc quyền sử dụng, quản lý của cá nhân, tổ chức: Cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành; trong trường hợp để tồn đọng và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên các khu đất này thì phải chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và phun xịt khử mùi (nếu cần) trong vòng 36 giờ từ khi có phản ánh hoặc yêu cầu của chính quyền địa phương.

b) Đối với khu vực đất do Nhà nước quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý tổ chức thu gom và phun xịt khử mùi (nếu cần), chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường.

Điều 9. Chuyển giao, vận chuyển, điểm tập kết chất thải rắn cồng kềnh

1. Chất thải rắn cồng kềnh:

a) Chất thải rắn cồng kềnh là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây…

b) Chất thải rắn cồng kềnh không được bỏ chung vào chất thải rắn sinh hoạt thông thường, được quản lý như chất thải rắn sinh hoạt.

2. Đối với chất thải rắn cồng kềnh không thể tái sử dụng trực tiếp, cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải có trách nhiệm tháo bỏ các phụ liệu đi kèm như gương, kính, mảnh kim loại, bản lề, bảng điều khiển và phân nhóm các phụ liệu đi kèm vào các nhóm chất thải tương ứng theo nguyên tắc phân loại rác thải sinh hoạt; sắp xếp gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường để chuyển giao cho cơ sở thu gom hoặc nơi tiếp nhận (điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải rắn cồng kềnh).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định, bố trí ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn (có mái che đảm bảo che nắng, che mưa) tiếp nhận để lưu giữ chất thải cồng kềnh phát sinh từ các hộ gia đình/cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để các hộ gia đình/cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn cồng kềnh.

Điều 10. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt, làm thức ăn chăn nuôi.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng dưới 300 kg/ngày sử dụng chất thải thực phẩm để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt cho cây xanh trong khuôn viên của đơn vị, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khoản 3 và khoản 4 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn theo các tiêu chí quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Căn cứ tính chất của từng loại chất thải cồng kềnh sau khi phân rã, thực hiện phân loại để xử lý riêng từng loại như đối với chất thải rắn sinh hoạt theo khoản 1 Điều này.

5. Căn cứ công nghệ xử lý, khả năng tiếp nhận của các khu xử lý, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu xử lý cho phù hợp.

Chương III
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG, CHẤT THẢI NHỰA, BÙN THẢI HẦM CẦU, TỰ HOẠI, BÙN THẢI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 11. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Việc phân loại chất thải rắn xây dựng thông thường được phân loại theo quy định tại điểm d, đ, g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc phân loại, lưu trữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng nguy hại được thực hiện theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; chất thải rắn xây dựng lẫn với chất thải nguy hại khác thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại, nếu không tách được thì toàn bộ chất thải lẫn đó phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 12. Thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Hộ gia đình, cá nhân tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

2. Khi tiến hành xây dựng công trình, chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng phải bố trí thiết bị hoặc khu lưu trữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trường hoặc trạm trung chuyển, địa điểm lưu trữ theo quy định của chính quyền địa phương để đảm bảo chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác; địa điểm lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải bố trí ở nơi tránh

bị ngập nước, có mái che hoặc phủ bạt tránh phát tán bụi và các chất ô nhiễm khác, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ.

3. Chất thải rắn xây dựng phải được vận chuyển bằng các phương tiện bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định, được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định.

4. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi ra môi trường.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng xác định, bố trí ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn tiếp nhận để lưu giữ chất thải rắn xây dựng phát sinh từ các hộ gia đình/cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng để các hộ gia đình/cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn xây dựng.

6. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng thì phải thực hiện việc tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối kênh rạch và các nguồn nước mặt

Điều 13. Tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái chế, tái sử dụng. Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng, tùy theo tính chất và đặc điểm (thành phần), được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp như: Bùn đất hữu cơ dùng để trồng cây; gạch vụn, bê tông, tấm tường, gạch lát dùng để san nền....

2. Chất thải rắn xây dựng không tái chế, tái sử dụng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để chôn lấp, xử lý tại các địa điểm đảm bảo các điều kiện về an toàn môi trường, bao gồm:

a) Tại các khu xử lý chất thải rắn được phép tiếp nhận, xử lý chất thải rắn xây dựng.

b) Phân khu chức năng xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch, bố trí khu vực xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng.

3. Những nội dung khác về quản lý chất thải rắn xây dựng không quy định tại Điều 11, Điều 12, khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Quy định này thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quản lý chất thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định sau đây:

1. Hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đũa nhựa dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

2. Giảm dần việc sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa theo lộ trình tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

3. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện việc phân loại chất thải nhựa tại nguồn để tái sử dụng, tái chế phục vụ sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; trường hợp không thể tái chế, chất thải nhựa phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng theo quy định, không được thải bỏ vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, sông.

4. Các đơn vị dịch vụ công ích thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn có trách nhiệm bố trí nhân lực, thiết bị cho công tác phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nhựa phát sinh từ quá trình sinh hoạt.

Điều 15. Quản lý bùn bể tự hoại, hầm cầu; bùn nạo vét hệ thống thoát nước

1. Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải phải được phân định. Trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng được phép lưu hành, chứng nhận kiểm định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có biện pháp xử lý sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải vào hệ thống thoát nước, kênh rạch, ao hồ, môi trường xung quanh.

5. Việc chuyển giao bùn thải từ chủ nguồn thải hoặc từ đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển cho đơn vị xử lý phải được lập biên bản bàn giao, mỗi bên giữ một bản; phải phù hợp quy định về quản lý chất thải và quy định khác liên quan.

6. Bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu được xử lý tại các cơ sở xử lý được phép tiếp nhận bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước; việc tái sử dụng, xử lý và tái sử dụng bùn thải bảo đảm các quy định về môi trường.

7. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

8. Khuyến khích xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước theo công nghệ tái chế thành các sản phẩm thân thiện môi trường, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm và quyền của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

1. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm:

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

d) Tại những nơi công cộng có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện phân loại, lưu giữ vào thùng chứa công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định.

đ) Giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

e) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

g) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật.

2. Quyền của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải:

a) Được Nhà nước, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng địa điểm, thời gian quy định khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định.

b) Được khen thưởng, tuyên dương khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn

1. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn có trách nhiệm sau:

a) Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo, thực hiện đầy đủ các điều kiện tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy

định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 4 và khoản 5 Điều 58 và Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Điều 27 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác liên quan.

b) Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn đáp ứng về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý theo quy định.

c) Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Hợp đồng với chủ cơ sở xử lý chất thải rắn có đủ năng lực theo quy định và đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện thống kê danh sách thông tin người thu gom, số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom theo yêu cầu; lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát, cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện và các đơn vị quản lý chuyên ngành tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai và giám sát hộ gia đình, chủ nguồn thải về phân loại chất thải rắn tại nguồn; về trách nhiệm quản lý chất thải rắn và nghĩa vụ nộp tiền giá dịch vụ.

h) Đơn vị thực hiện thu gom có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xử lý theo quy định đối với các trường hợp hộ gia đình, chủ nguồn thải không chấp hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, chuyển giao không đúng nhóm chất thải theo quy định, sau khi đã được nhắc nhở nhiều lần (03 lần trở lên/01 tuần).

i) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rỉ rác ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

k) Báo cáo tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn hàng năm (trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn có quyền hạn sau:

a) Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện và cơ quan quản lý chuyên ngành biết trong trường hợp các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không chuyển giao chất thải rắn đúng thời gian, phương thức quy định.

b) Được thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải rắn.

d) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền của cơ sở xử lý chất thải rắn

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn có trách nhiệm sau:

a) Đảm bảo, thực hiện đầy đủ điều kiện tham gia hoạt động xử lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

b) Bố trí các khu vực tiếp nhận, xử lý riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại. Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm khối lượng, chất lượng trong quá trình cung cấp dịch vụ theo hợp đồng ký kết.

c) Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định đối với chất thải nguy hại được phân loại từ chất thải rắn hoặc phát sinh từ cơ sở xử lý chất thải rắn.

d) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan trong trường hợp có kế hoạch ngừng dịch vụ để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ xử lý; nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ kèm theo phương án xử lý chất thải trong thời gian tạm ngừng này; chỉ được ngừng dịch vụ xử lý khi được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

đ) Ghi nhận các trường hợp xe vận chuyển chất thải rắn sau phân loại trên địa bàn thành phố/thị xã/huyện còn bị trộn, lẫn các loại chất thải khác; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp trên.

e) Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

g) Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn theo quy định.

h) Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia xử lý chất thải rắn; tổ chức khám bệnh định kỳ, đảm bảo các chế độ cho người lao động tham gia xử lý chất thải rắn theo quy định.

i) Báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn hàng năm (trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan.

2. Cơ sở xử lý chất thải rắn có quyền lợi sau:

a) Được thanh toán giá dịch vụ xử lý chất thải rắn theo quy định.

b) Được quyền kiểm tra các chất thải chuyển giao đến cơ sở xử lý chất thải và từ chối tiếp nhận các loại chất thải rắn không đúng loại được phép xử lý.

c) Được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn.

d) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các quy định trên, đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm:

a) Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận (trừ trường hợp đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đồng thời là đơn vị thu gom, vận chuyển).

b) Quản lý, vận hành bãi chôn lấp theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

c) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

d) Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh, kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền.

5. Tham mưu/thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn theo thẩm quyền.

6. Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện khi triển khai đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Thực hiện việc thẩm định thiết kế xây dựng, cấp phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn theo phân cấp.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

1. Thực hiện tổ chức giao thông theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trong việc giám sát các phương tiện vận chuyển chất thải rắn.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, quản lý đấu thầu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Chủ trì tổng hợp các dự án đầu tư trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn vào Danh mục kêu gọi đầu tư chung của tỉnh trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan về xử lý chất thải.

4. Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu giải quyết thủ tục đầu tư đối với việc đầu tư mới, việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa theo lộ trình tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ theo quy định pháp luật về đầu tư.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài chính có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo nguyên tắc tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 6 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thẩm định công nghệ; quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư về chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017.

2. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng liên quan đến quản lý chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường phát hiện tội phạm về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế

1. Tổ chức tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn cho các cán bộ, công nhân, người lao động hoạt động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Triển khai, đôn đốc thực hiện kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan để xây dựng phương án tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học.

2. Lồng ghép việc giảng dạy các kiến thức, kỹ năng của việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào các chương trình nội khóa và ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho học sinh hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tích cực tham gia.

3. Triển khai, đôn đốc các phòng giáo dục, các trường học, các cơ sở đào tạo có liên quan thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai các kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn và các nội dung khác có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành có liên quan

1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Thường xuyên tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả đến mọi người dân cùng hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn.

Điều 29. Trách nhiệm của Đài phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước

1. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng các quy định về bảo vệ môi trường nói chung, công tác quản lý chất thải rắn nói riêng.

2. Xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; kịp thời đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn theo quy định này, đồng thời đưa tin các trường hợp bị xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn để làm gương cho đông đảo các tầng lớp Nhân dân.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tích cực thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Giám sát việc thực hiện tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; hướng dẫn Ban công tác Mặt trận phối hợp với các chi hội đoàn thể tại thôn, tổ dân phố và Nhân dân giám sát tại địa bàn dân cư.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý chất thải rắn được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 và khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định khác liên quan.

3. Hằng năm xây dựng, triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các chất thải rắn khác của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

4. Quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động

của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

6. Xác định, công bố danh mục vị trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom chất thải rắn khu vực; bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để thu gom, phân loại đảm bảo theo Quy định này.

7. Quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp huyện; khoanh vùng xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các bãi rác tạm, các điểm ô nhiễm môi trường do chất thải rắn trên địa bàn.

8. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 77, khoản 2 Điều 78 và khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải rắn của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tại các tổ dân phố, thôn, xóm và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện cộng đồng dân cư (tổ trưởng tổ dân phố/trưởng thôn/...) xác định thời gian, tần suất, phương thức, địa điểm và tuyến thu gom, vận chuyển của chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, thông báo rộng rãi đến các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn, xóm tham gia giữ gìn vệ sinh đường giao thông, nơi công cộng, thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân và đăng ký thực hiện quy ước, cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường.

6. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.